

# **BÁO CÁO QUYẾT TOÁN PNJ**

## **QUÝ I NĂM 2015**

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

Báo cáo tài chính riêng quý 01

Ngày 31 tháng 03 năm 2015

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng đến 31/03/2015	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 1/2015	4 - 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 31/03/2015	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý 1/2015	8 - 36

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi hai (172) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên	
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	
Ông Andy Ho	Thành viên	bổ nhiệm ngày 03 tháng 03 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	từ nhiệm ngày 03 tháng 03 năm 2014

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trần Văn Dân	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 1  
ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1,978,928,910,886</b>	<b>1,816,130,883,550</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>34,620,015,487</b>	<b>35,139,719,411</b>
111	1. Tiền		34,620,015,487	35,139,719,411
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>65,000,000</b>	<b>-</b>
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		65,000,000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>68,363,475,785</b>	<b>76,312,622,442</b>
131	1. Phải thu khách hàng	5	37,140,136,121	45,069,065,323
132	2. Trả trước cho người bán		18,367,262,731	16,213,997,161
136	6. Các khoản phải thu khác	6	19,468,328,418	21,880,330,332
137	7. Dự phòng phải thu khó đòi		(7,752,218,659)	(7,752,218,659)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	6	1,139,967,174	901,448,285
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1,838,984,761,958</b>	<b>1,655,596,302,559</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	1,838,984,761,958	1,655,596,302,559
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>36,895,657,656</b>	<b>49,082,239,138</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		26,319,863,080	27,110,751,151
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	3,659,558,376
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8,781,412,179	4,653,263,806
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	1,794,382,397	13,658,665,805
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1,029,956,379,844</b>	<b>997,056,885,294</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>465,574,772,363</b>	<b>451,461,210,704</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	174,718,113,238	160,211,532,448
222	Nguyên giá		284,982,491,694	263,929,102,351
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(110,264,378,456)	(103,717,569,903)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	290,856,659,125	291,249,678,256
228	Nguyên giá		293,121,956,571	293,121,956,571
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(2,265,297,446)	(1,872,278,315)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3,009,712,545</b>	<b>739,090,200</b>
230	2. Chi phí XDCB dở dang		3,009,712,545	739,090,200
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>531,735,510,537</b>	<b>531,800,510,537</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		20,000,000,000	20,000,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		91,866,300,000	91,866,300,000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		460,651,988,400	460,716,988,400
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(40,782,777,863)	(40,782,777,863)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>29,636,384,399</b>	<b>13,056,073,853</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14,116,993,218	12,134,611,001
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		921,462,852	921,462,852
268	3. Tài sản dài hạn khác		14,597,928,329	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3,008,885,290,730</b>	<b>2,813,187,768,844</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 1 (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 03 năm 2015


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1,651,905,109,149</b>	<b>1,546,477,098,360</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1,514,481,080,049</b>	<b>1,408,892,716,260</b>
311	1. Phải trả người bán	13	126,116,794,515	141,440,940,445
312	2. Người mua trả tiền trước	14	13,147,083,354	10,577,252,253
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		45,303,827,079	45,248,221,899
314	4. Phải trả người lao động	15	14,161,358,792	26,969,847,063
315	5. Chi phí phải trả		10,620,301,748	4,188,467,510
319	9. Phải trả ngắn hạn khác		35,623,474,954	41,515,425,628
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	1,250,369,563,846	1,131,686,128,041
321	11. Dự phòng phải trả		6,022,000,000	
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13,116,675,761	7,266,433,421
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>137,424,029,100</b>	<b>137,584,382,100</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		295,029,100	455,382,100
334	2. Vay và nợ thuê tài chính	17	137,129,000,000	137,129,000,000
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1,356,980,181,581</b>	<b>1,266,710,670,484</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18</b>	<b>1,356,980,181,581</b>	<b>1,266,710,670,484</b>
411	1. Vốn cổ phần		755,970,350,000	755,970,350,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105,021,650,000	105,021,650,000
414	5. Cổ phiếu quỹ		(7,090,000)	(7,090,000)
417	8. Quỹ đầu tư phát triển		232,805,050,783	232,805,050,783
420	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		263,190,220,798	172,920,709,701
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3,008,885,290,730</b>	<b>2,813,187,768,844</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ ("\$")	25.600	8.382
- Vàng thời (chì)	6.292	6.409
- Đô la Úc ("AUD")	25.000	30.006

  
Nguyễn Thành Đạt  
Người lập

  
Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng

  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2015



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lấy kế	
			Quý 1/2015	Quý 1/2014	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2,130,204,490,295	1,850,977,896,522	2,130,204,490,295	1,850,977,896,522
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	6,645,160,137	2,001,979,363	6,645,160,137	2,001,979,363
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	2,123,559,330,158	1,848,975,917,159	2,123,559,330,158	1,848,975,917,159
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	1,837,206,766,434	1,637,356,482,540	1,837,206,766,434	1,637,356,482,540
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		286,352,563,724	211,619,434,619	286,352,563,724	211,619,434,619
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	179,516,991	117,452,325	179,516,991	117,452,325
22	7. Chi phí tài chính	21	18,030,576,533	18,206,318,489	18,030,576,533	18,206,318,489
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		17,126,229,412	17,706,123,846	17,126,229,412	17,706,123,846
24	8. Chi phí bán hàng	22	98,597,360,872	71,814,352,074	98,597,360,872	71,814,352,074
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	23,658,464,336	25,703,131,203	23,658,464,336	25,703,131,203
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		146,245,678,974	96,013,085,178	146,245,678,974	96,013,085,178
31	11. Thu nhập khác		143,698,120	352,360,701	143,698,120	352,360,701
32	12. Chi phí khác		3,700,526,267	420,885,024	3,700,526,267	420,885,024
40	13. Lợi nhuận khác		(3,556,828,147)	(68,524,323)	(3,556,828,147)	(68,524,323)

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế	
			Quý 1/2015	Quý 1/2014	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		142,688,850,827	95,944,560,855	142,688,850,827	95,944,560,855
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	32,419,339,730	21,260,117,613	32,419,339,730	21,260,117,613
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	23.2	-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		110,269,511,097	74,684,443,242	110,269,511,097	74,684,443,242
70	18. Lãi trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)					
	Cơ bản		1,459	988	1,459	988
	Suy giảm		-	-	-	-

  
Nguyễn Thành Đạt  
Người lập

Ngày 18 tháng 04 năm 2015

  
Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng



  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế		142,688,850,827	95,944,560,855
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	9.10	6,939,827,684	4,582,297,694
03	Trích lập các khoản dự phòng		-	-
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(34,472,828)	(144,935,741)
06	Chi phí lãi vay	21	17,126,229,412	17,706,123,846
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		<b>166,720,435,095</b>	<b>118,088,046,654</b>
09	Tăng các khoản phải thu		7,949,146,657	(3,973,002,708)
10	Tăng hàng tồn kho		(183,388,459,399)	(48,085,594,856)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả		(20,671,244,933)	2,134,304,024
12	Tăng chi phí trả trước		(1,191,494,146)	(363,145,550)
13	Tiền lãi vay đã trả		(15,898,597,498)	(17,661,595,642)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.1	(32,220,348,577)	(32,161,402,031)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26,587,622,944)	(26,647,526,973)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		<b>(105,288,185,745)</b>	<b>(8,669,917,092)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(13,949,157,412)	(6,904,185,734)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	Tiền thu từ cổ tức và lãi tiền gửi		34,203,428	39,157,197
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		<b>(13,914,953,984)</b>	<b>(6,865,028,537)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Thu tiền phát hành cổ phiếu		-	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1,020,601,631,318	602,131,964,801
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(901,918,195,513)	(518,270,088,393)
36	Cổ tức đã trả	18.2	-	(75,597,035,000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		<b>118,683,435,805</b>	<b>8,264,841,408</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
50	Giảm tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(519,703,924)	(7,270,104,221)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		35,139,719,411	38,116,455,254
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	34,620,015,487	30,846,351,033

  
Nguyễn Thành Đạt  
Người lập

  
Đặng Thị Lài  
Kế toán trưởng

  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm bảy mươi hai (172) cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 3.123 công nhân viên.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

- Tiền bao gồm : tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Các khoản tương đương tiền bao gồm : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

- Phản ánh tổng giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh
- Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "Phải thu về cho vay ngắn hạn"

**3.3 Các khoản phải thu**

- Chỉ tiêu này được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác ( sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ) .
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.4 Hàng tồn kho**

- Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.
- Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |
|---|---|
| - Nguyên vật liệu, hàng hóa và khác                   | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| - Thành phẩm, và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa, nguyên vật liệu, thành phẩm, và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

- Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ báo cáo.

**3.5 Tài sản cố định**

- Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị khấu trừ lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

- Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hay giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

- Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và khấu trừ**

- Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

**3.7 Chi phí lãi vay**

- Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

**3.8 Chi phí trả trước**

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm :

- ▶ Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- ▶ Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Đầu tư vào các công ty con**

- Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.10 Đầu tư vào các công ty liên kết**

- Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**3.11 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

- Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

**3.12 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

- Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

- Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

- Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong các kỳ trước.

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.15 Cổ phiếu quỹ**

- Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Số dư quỹ dự phòng tài chính năm 2014 được chuyển vào Quỹ đầu tư phát triển từ tháng 01/2015.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

- Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

*Tiền lãi*

- Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

- Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

- Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

- Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Tiền mặt	24.428.819.286	28.757.507.093
Tiền gửi ngân hàng	8.575.628.201	4.660.869.318
Tiền đang chuyển	1.615.568.000	1.721.343.000
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>34,620,015,487</u></b>	<b><u>35,139,719,411</u></b>

Khoản tương đương tiền cuối năm 2014 là 234.599.264.879 đồng, được trình bày lại trong hàng tồn kho theo qui định mới về chế độ kế toán doanh nghiệp ( Thông tư 200 của Bộ Tài Chính ngày 22/12/2014 )

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu bên thứ ba	36.640.136.121	44.496.565.694
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24)	500.000.000	572.499.629
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37,140,136,121</u></b>	<b><u>45,069,065,323</u></b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu bên thứ ba	18.468.328.418	16.900.530.332
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.000.000.000	4.979.800.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19,468,328,418</u></b>	<b><u>21,880,330,332</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(7.752.218.659)</u>	<u>(7.752.218.659)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>11,716,109,759</u></b>	<b><u>14,128,111,673</u></b>

**Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	VND	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đầu kỳ và cuối kỳ	<u>(7.752.218.659)</u>	<u>(7.752.218.659)</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

7. HÀNG TỒN KHO



	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Hàng hóa	1,427,555,675,030	1,219,465,105,121
Hàng gửi đi bán	39,073,438,316	38,475,458,376
Nguyên vật liệu	81,111,914,825	100,733,744,306
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	143,264,986,766	147,200,324,226
Thành phẩm	127,591,597,590	129,280,128,300
Công cụ, dụng cụ	18,907,567,172	19,832,568,407
Hàng mua đang đi trên đường	1,479,582,259	608,973,823
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1,838,984,761,958</u></b>	<b><u>1,655,596,302,559</u></b>

Hàng tồn kho với giá trị là 570 tỷ VNĐ đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	0	13,014,032,750
Tam ứng cho nhân viên	1,794,382,397	644,633,055
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1,794,382,397</u></b>	<b><u>13,658,665,805</u></b>

Trình bày lại khoản tiền ký quỹ thuê nhà từ tài sản ngắn hạn sang tài sản dài hạn, đảm bảo tính chính xác, rõ ràng của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH



	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	120,558,292,982	116,606,709,230	11,093,892,423	15,670,207,716	263,929,102,351
Tăng trong kỳ	-	3,443,102,058	2,589,051,000	15,021,236,285	21,053,389,343
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	<u>120,558,292,982</u>	<u>120,049,811,288</u>	<u>13,682,943,423</u>	<u>30,691,444,001</u>	<u>284,982,491,694</u>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	( 16,298,558,314)	( 69,212,941,423)	( 6,382,129,608)	( 11,823,940,558)	(103,717,569,903)
Khấu hao trong kỳ	( 1,318,479,081)	( 3,585,745,026)	( 192,128,445)	( 1,450,456,001)	( 6,546,808,553)
Thanh lý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	<u>( 17,617,037,395)</u>	<u>( 72,798,686,449)</u>	<u>( 6,574,258,053)</u>	<u>( 13,274,396,559)</u>	<u>(110,264,378,456)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	<u>104,259,734,668</u>	<u>47,393,767,807</u>	<u>4,711,762,815</u>	<u>3,846,267,158</u>	<u>160,211,532,448</u>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	<u>102,941,255,587</u>	<u>47,251,124,839</u>	<u>7,108,685,370</u>	<u>17,417,047,442</u>	<u>174,718,113,238</u>

Nhà cửa, máy móc thiết bị với trị giá còn lại là 15 tỷ VNĐ đã được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 17).



# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất lâu dài	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	285,183,268,988	7,938,687,583	293,121,956,571
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	285,183,268,988	7,938,687,583	293,121,956,571
<b>Giá trị khấu trừ lũy kế:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	( 1,872,278,315)	( 1,872,278,315)
Khấu trừ trong kỳ	-	( 393,019,131)	( 393,019,131)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	0	(2,265,297,446)	(2,265,297,446)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	285,183,268,988	6,066,409,268	291,249,680,313
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	285,183,268,988	5,673,390,137	290,856,659,125

Quyền sử dụng đất với giá trị là 69 tỷ VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 17).

## 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

### 11.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Thời trang CAO	10.000.000.000	100	10.000.000.000	100
Công ty TNHH Giám định PNJ	10.000.000.000	100	10.000.000.000	100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.000.000.000</b>		<b>20.000.000.000</b>	

Công ty TNHH Thời trang CAO ("CFC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Giám định PNJ ("PLC") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 52 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

#### 11.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	91.866.300.000	30,62	91.866.300.000	30,62
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(30.473.664.463)</u>		<u>(30.473.664.463)</u>	
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>61.392.635.537</u></b>		<b><u>61.392.635.537</u></b>	

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 43R/12 Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.



## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

### 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 11.3 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á ("DAB") (i)	38.496.250	395.271.613.400	38.496.250	395.271.613.400
Công ty Cổ phần Bất động Sàn Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000	2.615.215	65.380.375.000
Tiền gửi tại NH An Bình		0		65.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>460.651.988.400</b>		<b>460.716.988.400</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.309.113.400)		(10.309.113.400)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>		<b>450.342.875.000</b>		<b>450.407.875.000</b>

- (i) Cổ phiếu của DAB đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).  
(ii) -Tiền gửi có kỳ hạn tại NH An Bình được trình bày lại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

#### 11.4 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
Số đầu kỳ	40.782.777.863	27.950.454.153
Cộng : Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ : Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>40.782.777.863</u>	<u>27.950.454.153</u>
Trong đó:		
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	30.473.664.463	17.150.454.153
Dự phòng giảm giá vào các khoản đầu tư dài hạn khác	10.309.113.400	10.800.000.000

### 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	7,386,193,740	4,896,818,658
Chi phí công cụ và dụng cụ	4,082,989,431	4,039,577,270
Chi phí thuê cửa hàng	<u>2,647,810,047</u>	<u>3,198,215,073</u>

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14,116,993,218</b>	<b>12,134,611,001</b>
<b>13. VAY NGẮN HẠN</b>		VND
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngân hàng	960,906,801,846	804,324,426,041
Vay cá nhân	279,417,762,000	317,316,702,000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	10,045,000,000	10,045,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1,250,369,563,846</b>	<b>1,131,686,128,041</b>

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở giao dịch	210.000.000.000	Từ ngày 14 tháng 4 năm 2015 đến ngày 20 tháng 6 năm 2015	6,0	Cổ phiếu của DAB
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á – Chi nhánh Hồ Chí Minh	50.000.000.000	Từ ngày 24 tháng 4 năm 2015 đến ngày 25 tháng 6 năm 2015	6,0	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	121.239.652.694 <b>50.386.278.546</b>	Từ ngày 7 tháng 4 năm 2015 đến ngày 27 tháng 6 năm 2015	5,7 2,8	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng Dầu Petrolimex	200.000.000.000	Từ ngày 15 tháng 4 năm 2015 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015	6,0	Tin chấp
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Hồ Chí Minh	19.428.000.000	Ngày 26 tháng 4 năm 2015	5,2	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Hồ Chí Minh	63.000.000.000	Từ ngày 13 tháng 4 năm 2015 đến ngày 12 tháng 05 năm 2015	5,5	Tin chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	60.000.000.000	Từ ngày 26 tháng 4 năm 2015 đến ngày 02 tháng 05 năm 2015	5,5	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Hồ Chí Minh	46.000.000.000	Ngày 25 tháng 4 năm 2015	5,9	Hàng tồn kho



## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	36.245.528.603	Từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến ngày 05 tháng 4 năm 2015	5.0	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	26.209.004.595	Từ Ngày 01 tháng 4 năm 2015 đến 23 tháng 06 năm 2015	5,8	Hàng tồn kho
	<b>78.398.337.408</b>		2.8	
	<b><u>960,906,801,846</u></b>			

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm	
Các cá nhân	<u>279.417.762.000</u>	Từ Ngày 2 tháng 7 năm 2015	Từ 1,0 - 5,0	Tin chấp

### 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên thứ ba	122.806.357.373	139.962.565.448
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	3.310.437.142	1.478.374.997
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>126.116.794.515</u></b>	<b><u>141.440.940.445</u></b>

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.1)	32.042.237,367	31,887,913,338
Thuế giá trị gia tăng	12,992,391,742	12,841,954,658
Thuế khác	269,197,970	518,353,903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>45,303,827,079</u></b>	<b><u>45,248,221,899</u></b>

# Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015



## 16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả bên thứ ba	18,593,474,954	26,485,425,628
Phải trả bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	17,030,000,000	15,030,000,000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>35,623,474,954</u></b>	<b><u>41,515,425,628</u></b>

## 17. VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Vay ngân hàng	147.174.000.000	147.174.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (ACB)</i>	10.045.000.000	10.045.000.000
<i>Vay dài hạn</i>	137.129.000.000	137.129.000.000

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại để phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VNĐ		%/ năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á – Hội sở chính	78.128.000.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2016	6	Quyền sử dụng đất của lô đất tọa lạc tại số 577 Đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà cửa tọa lạc tại số 52A-52B Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà cửa và vật kiến trúc tọa lạc tại Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Sở giao dịch	59.001.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	6,5	Quyền sử dụng đất tại số 16 -18 Thủ Khoa Huân, Q1, TP.HCM
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>137.129.000.000</u></b>			




Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu



	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán QUÝ 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014:</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	126.070.897.000	57.634.153.783	229.426.913.602	1.274.116.874.385
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	74.684.443.242	74.684.443.242
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(151.193.361.000)	(151.193.361.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	40.000.000.000	9.100.100.000	(49.100.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(22.200.000.000)	(22.200.000.000)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014	<u>755.970.350.000</u>	<u>105.021.650.000</u>	<u>(7.090.000)</u>	<u>166.070.897.000</u>	<u>66.734.153.783</u>	<u>81.617.995.844</u>	<u>1.175.407.956.627</u>
<b>Cho kỳ kế toán QUÝ 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015:</b>							
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	755.970.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	166.070.897.000	66.734.153.783	172.920.709.701	1.266.710.670.484
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	110.269.511.097	110.269.511.097
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015	<u>755.970.350.000</u>	<u>105.021.650.000</u>	<u>(7.090.000)</u>	<u>166.070.897.000</u>	<u>66.734.153.783</u>	<u>263.190.220.798</u>	<u>1.356.980.181.581</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

18. **VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

18.2 **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	VND Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
<b>Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 31 tháng 01	755.970.350.000	755.970.350.000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 03	<u>755.970.350.000</u>	<u>755.970.350.000</u>
Cổ tức đã trả	-	-
Cổ tức đã công bố	-	-

18.3 **Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
<b>Số cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>75.597.035</b>	<b>75.597.035</b>
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	75.597.035	75.597.035
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	<b>75.596.326</b>	<b>75.596.326</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2,161,036,617,186</b>	<b>1,871,407,758,986</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán vàng và bạc	2,153,129,166,736	1,864,647,653,966
Doanh thu bán phụ kiện	6,009,453,533	4,659,074,603
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,897,996,917	2,101,030,417
<b>Khấu trừ:</b>	<b>( 37,477,287,028)</b>	<b>( 22,431,841,827)</b>
Hàng bán bị trả lại	( 6,645,160,137)	( 2,001,979,363)
Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp	<u>( 30,832,126,891)</u>	<u>( 20,429,862,464)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>2,123,559,330,158</u></b>	<b><u>1,848,975,917,159</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán vàng và bạc	2,115,662,959,633	1,842,215,812,139
Doanh thu bán phụ kiện	6,009,453,533	4,659,074,603
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,886,916,992	2,101,030,417

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
Cổ tức nhận được	0	0
Lãi chênh lệch tỷ giá	143,559,742	78,189,311
Lãi tiền gửi	34,203,428	39,154,878
Khác	1,753,821	108,136
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>179,516,991</u></b>	<b><u>117,452,325</u></b>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
Giá vốn bán vàng và bạc và cung cấp dịch vụ	1,832,981,408,682	1,633,987,853,798
Giá vốn bán phụ kiện	4,225,357,752	3,368,628,742
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1,837,206,766,434</u></b>	<b><u>1,637,356,482,540</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**



	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
		VNĐ
Chi phí lãi vay	17,126,229,412	17,706,123,846
Chi phí tài chính khác	339,594,098	462,481,777
Lỗ chênh lệch tỷ giá	564,753,023	37,712,866
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>18,030,576,533</b>	<b>18,206,318,489</b>

**22. CHI PHÍ QUẢN LÝ, BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ**

	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
		VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	3,837,105,499	1,683,608,873
Chi phí nhân công	55,908,626,504	48,511,053,965
Chi phí công cụ, dụng cụ	7,811,907,836	5,485,027,421
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản	3,166,796,531	1,966,977,539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20,708,609,912	16,186,058,146
Chi phí khác mua ngoài	30,822,778,926	23,684,757,333
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>122,255,825,208</b>	<b>97,517,483,277</b>

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22%. Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**23.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>142.688.850.827</b>	<b>95.944.560.855</b>
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí và các khoản không được khấu trừ	4.671.784.309	692.337.386
Cổ tức nhận được	(0)	(0)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>147.360.635.136</b>	<b>96.636.898.241</b>
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	32.419.339.730	21.260.117.613

**23.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 03		Báo cáo kết quả hoạt động lũy kế năm	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí phải trả	921.462.852	921.462.852	0	0
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>921.462.852</b>	<b>921.462.852</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>0</b>	<b>0</b>

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ
			Giá trị
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	4.357.185.626
		Mua hàng hóa	3.205.026.801
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.499.947.727
Công ty TNHH Một Thành	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	25.495.003

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015  
viên Giám định PNJ

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu (Phải trả)
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>500.000.000</u>
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Cho mượn	<u>1.000.000.000</u>
			<b><u>1.500.000.000</u></b>
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	(1.486.110.000)
Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO			(1.824.327.142)
			<b><u>(3.310.437.142)</u></b>
<b>Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Tiền đặt cọc	<u>(17.030.000.000)</u>

Đây là khoản tiền từ Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ đặt cọc cho hợp đồng kiểm định đá từ PNJ.

**25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 03 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Đến 1 năm	14.095.981.829	14.095.981.829
Từ 1 đến 5 năm	34.668.159.280	34.668.159.280
Trên 5 năm	<u>42.871.432.000</u>	<u>36.271.432.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>91.635.573.109</u></b>	<b><u>85.035.573.109</u></b>

**26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phát sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

*Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 03 năm 2015.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

*Độ nhạy đối với ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Công ty là 460.651.988.400 VNĐ. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 46.065.198.840 VNĐ, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đang kế hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 46.065.198.840 VNĐ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

*Tài sản đảm bảo*

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho và cổ phiếu của DAB làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13 và 17).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 03 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng			
<b>Tài sản tài chính</b>							
Đầu tư tài chính dài hạn	460.651.988.400	(10.309.113.400)	460.716.988.400	(10.309.113.400)	450.342.875.000	450.407.875.000	
Phải thu khách hàng	36.640.136.121	-	44.496.565.694	-	36.640.136.121	44.496.565.694	
Phải thu các bên liên quan	500.000.000	-	572.499.629	-	500.000.000	572.499.629	
Các khoản phải thu khác	19.468.328.418	(7.752.218.659)	21.880.330.332	(7.752.218.659)	11.716.109.759	14.128.111.673	
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>517.260.452.939</b>	<b>(18,061,332,059)</b>	<b>527.666.384.055</b>	<b>(18,061,332,059)</b>	<b>499.199.120.880</b>	<b>509.605.051.996</b>	

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 03 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	<b>Nợ phải trả tài chính</b>			
Vay	1.387.498.563.846	1.268.815.128.041	1.387.498.563.846	1.268.815.128.041
Phải trả người bán	126.116.794.515	141.440.940.445	126.116.794.515	141.440.940.445
Phải trả bên liên quan	17.030.000.000	15.030.000.000	17.030.000.000	15.030.000.000
Các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả	29.213.776.702	30.673.893.138	29.213.776.702	30.673.893.138
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.559.859.135.063</b>	<b>1.455.959.961.624</b>	<b>1.559.859.135.063</b>	<b>1.455.959.961.624</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán quý 1 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

**27. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 03 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**28. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ**

Lợi nhuận trước thuế Q1/2015 đạt 142,7 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận trước thuế tăng hơn 48%, tương ứng tăng 46,8 tỷ đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1/2015 tốt hơn so với cùng kỳ : doanh thu Quý 1 đạt 2.161 tỷ đồng, tăng 16%; doanh thu trang sức tăng 23%, trong đó mảng trang sức bán lẻ tăng 53%; Lãi gộp đạt 286 tỷ đồng, tăng 35%

	Quý 1/2015	Quý 1/2014
Hoạt động sản xuất kinh doanh	143,413,680,957	96,327,303,173
Hoạt động tài chính :	(724,630,130)	(382,742,318)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>142,688,850,827</b>	<b>95,944,560,855</b>

  
Nguyễn Thành Đạt  
Người lập

  
Đặng Thị Lai  
Kế toán trưởng

  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám Đốc



Ngày 18 tháng 04 năm 2015